TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H.N
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/DS-ST
Ngày: 17-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.N, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí D.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn B.

Ông Dư Thanh H.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn T là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô H. Y - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.N Việt Nam.

Địa chỉ: 18, T.H.D, phường M.Đ, quận T.L, Thành phố Hà Nội; người đại diện cho Ngân hàng N.N Việt Nam: Ông Nguyễn Tiến T - Phó Giám đốc Chi nhánh t.x H.N là người đại diện theo ủy quyền.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1967.

Cư trú tại: ấp 2, xã T.P, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị Bé T, sinh năm 1973.

Cư trú tại: khóm T.1, thị trấn T.T.T, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Huỳnh Hoàng G, sinh năm 1991.

3. Chị Huỳnh Thị Hoàng N, sinh năm 1994.

Cùng cư trú tại: ấp 2, xã T.P, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T, ông M có mặt tại phiên tòa, bà T, anh G, chị N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng N.N Việt Nam - Chi nhánh t.x H.N do ông Nguyễn Tiến T đại diện trình bày:

Vào ngày 21 tháng 4 năm 2017 Ngân hàng NN.Việt Nam - Chi nhánh t.x H.N(gọi tắt Ngân hàng) có cho ông Huỳnh Văn M vay số tiền 200.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số: 6508LAV 201703453, lãi suất 1,04%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận, lãi chậm trả 10%/năm. Tài sản bảo đảm:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2015.0045/HĐTC ngày 20/4/2015, ông Huỳnh Văn M thế chấp cho Ngân hàng: Quyền sử dụng đất diện tích 5.911m^2, thửa đất số: 163, tờ bản đồ số: 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 912137, số vào sổ CH 01108 do Ủy ban nhân dân huyện H.N cấp ngày 26/10/2011, đứng tên hộ ông Huỳnh Văn M.

Hiện tại ông Huỳnh Văn M còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 244.296.875 đồng. Trong đó: Gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 08/7/2019 là 44.296.875 đồng.

Nay Ngân hàng do ông Nguyễn Tiến T đại diện yêu cầu ông Huỳnh Văn M, bà Phan Thị Bé T, anh Huỳnh Hoàng G, chị Huỳnh Thị Hoàng N trả cho Ngân hàng tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 08/7/2019 là 44.296.875 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 6508 LAV201703453 ngày 20/4/2017, đến ngày thanh toán dứt nợ.

Bị đơn ông Huỳnh Văn M trình bày: Ngày 20/4/2017, ông có vay của Ngân hàng N.N Việt Nam - Chi nhánh t.x H.N với số tiền 200.000.000 đồng, vay tiền để làm ăn nhưng thua lỗ, chưa trả lại tiền gốc và không có nộp lãi, ông thống nhất trả cho Ngân hàng 244.296.875 đồng. Khi vay tiền có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất diện tích 5.911m^2, thửa đất số: 163, tờ bản đồ số: 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 912137, số vào sổ CH 01108 do Ủy ban nhân dân huyện H.N cấp ngày 26/10/2011, đứng tên ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Bé T, anh Huỳnh Hoàng G, chị Huỳnh Thị Hoàng N đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về việc thu thập, tài liệu chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, không có ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán,

Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của những người tham gia tố tụng, bảo đảm đúng thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N.N Việt Nam. Buộc ông M, bà T, anh G, chị N trả tổng số tiền còn nợ là 244.296.875 đồng, tiền gốc 200.000.000 đồng, lãi 44.296.875 đồng, tạm tính đến ngày 08/7/2019 và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà T, anh G, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên việc xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng yêu cầu ông M, bà T, anh G, chị N trả tiền vay còn nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự, quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung: Ngân hàng yêu cầu ông M, bà T, anh G, chị N trả tiền vay còn nợ, gốc 200.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 08/7/2019 là 44.296.875 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 6508 LAV 201703453 ngày 20/4/2017, đến ngày thanh toán dứt nợ. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, không đúng theo thỏa thuận, ông M thừa nhận có vay 200.000.000 đồng và thế chấp quyền sử đất diện tích 5.911m^2, thửa đất số: 163, tờ bản đồ số: 01, đất tại xã T.T.T, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ khi vay tiền cho đến nay chưa trả tiền gốc và không có nộp lãi cho Ngân hàng.

[4] Đối với bà T, anh G, chị N là thành viên hộ gia đình, ngày 20/4/2017 có văn bản ủy quyền cho ông M là người đại diện thay mặt các thành viên xác lập, thực hiện các giao dịch trong quan hệ cấp tín dụng, giao dịch tài sản bảo đảm tiền vay và các giao dịch khác có liên quan đến tiền vay của Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Mục đích sử dụng tiền vay: Mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình và sửa chữa nhà ở. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2015.0045/HĐTC ngày 20/4/2015, ông Huỳnh Văn M thế chấp cho Ngân hàng: Quyền sử dụng đất diện tích 5.911m^2, thửa đất số: 163, tờ bản đồ số: 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 912137, số vào sổ CH 01108 do Ủy ban nhân dân huyện H.N cấp ngày 26/10/2011, đứng tên hộ ông Huỳnh Văn M. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được lập theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Nội dung hợp đồng thế chấp quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa Ngân hàng không yêu cầu xử lý, nên không đặt ra xem xét xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông M, bà T, anh G, chị N trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 08/7/2019 là 44.296.875 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 6508 LAV 201703453 ngày 20/4/2017 đã ký.

[6] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, nên ông M, bà T, anh G, chị N phải chịu án phí.

6.1. Ông M, bà T, anh G, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.214.843 đồng (làm tròn 12.214.000 đồng).

6.2. Trả lại cho Ngân hàng 6.107.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000911 ngày 29/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N.N Việt Nam.

2. Buộc ông Huỳnh Văn M, bà Phan Thị Bé T, anh Huỳnh Hoàng G, chị Huỳnh Thị Hoàng N trả cho Ngân hàng N.N Việt Nam số tiền vay còn nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 08/7/2019 là 44.296.875 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 6508 LAV 201703453 ngày 20/4/2017 đã ký.

3. Về án phí:

3.1. Ông Huỳnh Văn M, bà Phan Thị Bé T, anh Huỳnh Hoàng G, chị Huỳnh Thị Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.214.000 đồng.

3.2. Trả lại cho Ngân hàng N.N Việt Nam 6.107.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000911 ngày 29/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.N.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H.N;
- Chi cục THADS huyện H.N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí D